

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thùy L, sinh năm 2003; Địa chỉ HKTT: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thùy L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N ngày 10/01/2023 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh N ngay. Sau khi kết hôn về chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu ngắn, không kỹ nên ngay sau khi chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Hơn nữa anh N chơi bời, không chịu khó lao động làm ăn, không có thu nhập để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Chị về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2023 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi sống ly thân hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng cũng như khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/12/2022 và hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xã Q và bố mẹ chị đồng ý hỗ trợ chị trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con, do đó chị xác định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Khi chị L về nhà mẹ đẻ ở xác Q, anh và gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị L xin ly hôn, anh N mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng về nuôi con và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/12/2022 và hiện nay con đang ở cùng chị L. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Lê Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về nuôi con: Đề nghị giao cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Hiện nay con đang ở cùng chị L. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu ngắn, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023. Xác minh UBND xã B thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh Nam là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh N cố tình gây khó khăn cho chị L và không có mong muốn thật tâm để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh được ly hôn anh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/12/2022. Ly hôn chị L và anh N đều có quan điểm thống nhất để chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con đang ở cùng chị L ổn định và cháu L tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của các đương sự về người trực tiếp nuôi

con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh N về người trực tiếp nuôi dưỡng con, cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L và anh N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thùy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con: Chị Lê Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/12/2022, hiện nay con đang ở cùng chị L. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000874 ngày

14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

